

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 211/2024/HS-ST
Ngày 30-10-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Tịnh Thới**

2. Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Thoa**

Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Văn Thiêm** - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Huệ** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 201/HSST ngày 08 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị Cẩm T**; Tên gọi khác: Không.

Giới tính: Nữ; Sinh năm 2004 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: khu phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: không

Con ông Nguyễn Công K, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980.

Chồng, con: Chưa có.

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/6/2024 cho đến nay

2. Họ và tên: **Nguyễn Thành C**; Tên gọi khác: Quây.

Giới tính: Nam; Sinh năm 1990 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật.

Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Không.

Con ông Nguyễn Thành T1, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1957.

Vợ: Lê Thị Ngọc Á, sinh năm 1991 (Đã ly hôn).

Con: Nguyễn Thành N, sinh năm 2011.

Tiền sự: có 01 tiền sự, cụ thể:

+ Ngày 03/02/2024, bị Công an huyện X xử phạt hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”, hình thức phạt tiền 6.500.000 đồng tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 28/QĐ-XPHC.

Tiền án: có 02 tiền án, cụ thể:

+ Ngày 20/3/2013, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2013/HSST bị Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc, xử phạt 03 (ba) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo khoản 2, Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), chấp hành xong ngày 04/02/2015, chưa được xóa án tích.

+ Ngày 24/8/2016, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2016/HSST bị Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc, xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo điểm b, khoản 2, Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), chấp hành xong ngày 02/5/2022, chưa được xóa án tích.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/6/2024 cho đến nay

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Xuân H1 và Nguyễn Thị Cẩm T, có mối quan hệ tình cảm và sống chung với nhau tại nhà của ông H1, thuộc ấp A, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Vào khoảng 20 giờ ngày 08/6/2024, ông H1 rủ T đến thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai tìm gặp anh Đỗ Ngọc H2 để đòi nợ số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*). Khi gặp anh H2, thì cũng gặp Nguyễn Thành C đang ngồi chơi với anh H2. Do không có tiền trả nợ và nhớ anh Nguyễn Duy T3 đang cầm xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vario, màu sơn xanh-trắng, biển số 60H5-440.91 tại tiệm cầm đồ “Anh Q” thuộc khu phố H, thị trấn G, huyện X và anh T3 nhờ anh H2 bán xe nên anh H2 nói với ông H1 là đang cầm 01 xe mô tô ở tiệm cầm đồ với số tiền 28.000.000 đồng (*Hai mươi tám triệu đồng*) và đề nghị ông H1 đi chuộc xe về rồi anh H2 sẽ bán chiếc xe trên cho ông H1 thì ông H1 đồng ý.

Sau đó, ông H1, T, C và anh H2 cùng đến tiệm cầm đồ “Anh Q” do anh Nguyễn Ngọc S làm chủ, anh H2 nói cần bán xe mô tô biển số 60H5-440.91 nhãn hiệu Honda Vario, màu trắng-xanh mà anh T3 đã cầm trước đó thì anh S đã dắt xe mô tô từ trong tiệm cầm đồ ra cho ông H1 xem. Sau đó, ông H1 đã tin tưởng xe mô tô trên có nguồn gốc rõ ràng và đồng ý chuộc xe với số tiền là 28.840.000 đồng (*hai mươi tám triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng*), ông H1 đã đưa đủ số tiền trên cho anh S. Sau khi nhận được xe, ông H1 nhờ Nguyễn Thị Cẩm T điều khiển xe mô tô biển số 60H5-440.91 chạy về nhà nghỉ T5 tại khu vực thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Đến khoảng 09 giờ ngày 09/6/2024, ông H1 tiếp tục nhờ T điều khiển xe mô tô biển số 60H5-440.91 về nhà ông H1. Trên đường đi, C gọi điện thoại hẹn gặp T, lúc này do cần xe đi công việc nên T điện thoại cho ông H1 mượn xe mô tô biển số 60H5-440.91, thì ông H1 đồng ý. Sau đó, T đến gặp C và cùng nhau đi đến nhà nghỉ “Sơn Thảo”, thuộc ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Đến khoảng 15

giờ cùng ngày, khi C đang ngủ thì T nhận được điện thoại gọi nhắc nợ của ngân hàng, do cần tiền trả nợ ngân hàng và tiêu xài cá nhân nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 60H5-440.91 của ông H1. Để thực hiện ý định, T đã liên lạc với một số nơi quen biết để cầm xe mô tô của ông H1 nhưng không được do xe không có giấy tờ. Sau đó, T nhờ C đi cầm cố xe mô tô biển số 60H5-440.91 của ông H1, C hoàn toàn biết xe mô tô biển số 60H5-440.91 do T chiếm đoạt của ông H1 mà có nhưng vẫn đồng ý giúp T đi cầm xe. Sau đó, C điện thoại cho Trần Thị Nguyên T4 (tên thường gọi là M) để nhờ T4 đi cầm cố xe giúp C, T4 không biết xe do C phạm tội mà có nên đồng ý và T4 nói C đến rước T4 đi cùng. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, C và T4 đi đến cửa hàng điện thoại di động “Tèo Apple”, thuộc ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai do anh Nguyễn Quốc C1 làm chủ để cầm cố xe. Lúc này, T4 gặp anh C1 và đề nghị cầm xe mô tô biển số 60H5-440.91 với số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*), thì anh C1 hỏi “xe của ai vậy, có chính chủ hay có giấy tờ không”, T4 trả lời “xe này của bạn em, là xe chính chủ có giấy tờ”. Nhưng do không mang theo giấy tờ xe nên anh C1 chỉ đồng ý cho T4 vay số tiền 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*) và giữ xe mô tô 60H5-440.91 để làm tin. Số tiền cầm xe có được, C cho T4 số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng), C đưa T số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), số tiền còn lại C đã giữ lại và tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 10/6/2024, ông H1 không thấy T mang xe mô tô trên đến trả nên ông H1 đã đến Cơ quan Công an trình báo vụ việc trên.

Do biết hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nên ngày 12/6/2024, Nguyễn Thị Cẩm T và Nguyễn Thành C đã đến Công an huyện X đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐG ngày 17/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện X, kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vario, màu sơn xanh-trắng, biển số 60H5-440.91, đã qua sử dụng (thời điểm ngày 09/6/2024) có trị giá 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*)

*** Vật chứng và xử lý vật chứng:**

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vario, màu sơn xanh-trắng, biển số 60H5-440.91, đã qua sử dụng, do anh Nguyễn Quốc C1 tự nguyện giao nộp. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh Sát điều tra Công an huyện X đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô trên cho ông Nguyễn Xuân H1 theo quy định pháp luật.

- Số tiền 9.000.000 đồng (*chín triệu đồng*) tiền ngân hàng N1 do Nguyễn Thành C tự nguyện giao nộp; số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền ngân hàng N1 do Nguyễn Thị Cẩm T tự nguyện giao nộp; số tiền 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) tiền ngân hàng N1 do Trần Thị Nguyên T4 tự nguyện giao nộp. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại số tiền trên cho Nguyễn Quốc C1 theo quy định pháp luật.

*** Trách nhiệm dân sự:**

Bị hại ông Nguyễn Xuân H1 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường gì thêm về mặt dân sự.

Anh Nguyễn Quốc C1 đã được các bị cáo Nguyễn Thành C, Nguyễn Thị Cẩm T và Trần Thị Nguyên T4 bồi hoàn lại số tiền 15.000.000 đồng, anh C1 không có yêu cầu gì thêm về mặt dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 210/CT-VKSXL ngày 07/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc đã truy tố Nguyễn Thị Cẩm T tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự, bị cáo Nguyễn Thành C tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo bản cáo trạng và đề nghị:

Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù.

Áp dụng điểm đ, khoản 2 Điều 323, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành C từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T, Nguyễn Thành C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, vật chứng của vụ án đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào ngày 09/6/2024, vì cần tiền giải quyết việc cá nhân nên Nguyễn Thị Cẩm T đã lợi dụng sự tin tưởng của ông H1 giao xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vario, màu sơn xanh-trắng, biển số 60H5-440.91 cho T để đưa xe về nhà giúp ông H1, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của ông H1 nên đã nhờ Nguyễn Thành C cầm xe mô tô trên với số tiền 15.000.000 đồng. Trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

Đối với Nguyễn Thành C dù biết rõ xe mô tô biển số 60H5-440.91 là xe do Nguyễn Thị Cẩm T chiếm đoạt của ông H1 mà có nhưng vẫn giúp cho T và nhờ Trần Thị Nguyên T4 đem xe mô tô trên đi cầm được số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Số tiền cầm xe có được, C cho T4 số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng), C đưa T số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), số tiền còn lại C đã giữ lại và tiêu xài cá nhân hết.

Như vậy, Hội đồng xét xử đã đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T đã phạm vào tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 175 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Nguyễn Thành C đã phạm vào tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, được quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên sẽ được xem xét khi lượng hình đối với các bị cáo.

[4] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam và vì động cơ tư lợi nên đã cố ý phạm tội. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện để có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[5] Các vấn đề khác:

Đối với Trần Thị Nguyên T4 là người đã dẫn Nguyễn Thành C đi cầm xe mô tô. Quá trình điều tra, xác định T4 không biết chiếc xe mô tô là tài sản do Nguyễn Thành C phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X không đưa ra hình thức xử lý.

Đối với Nguyễn Quốc C1 là người đã cho Trần Thị Nguyên T4 và Nguyễn Thành C vay số tiền 15.000.000 đồng, đồng thời giữ xe mô tô biển số 60H5-440.91 để làm tin. Quá trình điều tra, xác định Nguyễn Quốc C1 không biết nguồn gốc xe mô tô do Nguyễn Thành C phạm tội mà có, nhãn hiệu Honda Vario, đã qua sử dụng là xe do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X không đưa ra hình thức xử lý.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt:

- Căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 175; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị Cẩm T** phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T **02 (hai)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/6/2024

- Căn cứ vào điểm đ, khoản 2, Điều 323; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thành C** phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành C **04 (bốn)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/6/2024.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T, Nguyễn Thành C mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*Hai trăm ngàn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm,

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T.Đồng Nai;
- Công an H.Xuân Lộc;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- Sở Tư pháp T.Đồng Nai;
- UBND cấp xã;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ thi hành án;
- Lưu AV, HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huệ